TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 21 - 3 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hòa
2. Bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 32/2023/TLST- HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXX - ST ngày 13 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lương Thị T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn 1, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn Sơn Phú, xã C, huyện B, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lương Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Nguyễn Đình K tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thị xã D, tỉnh Bình Phước vào năm 2010. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nên đã sống ly thân với ông K 11 năm nay. Bà T nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông K để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà T và ông K có 01 người con chung là cháu Nguyễn Gia P sinh ngày 19/8/2011, nay ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P cho đến khi cháu P thành niên và không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Đình K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông K thống nhất lời trình bày của bà T về thời gian chung sống, đăng ký hôn và nơi đăng ký kết hôn. Ông K xác nhận hiện nay không còn tình cảm và đã sống ly thân với bà T hơn 10 năm nay nhưng không đồng ý ly hôn với lý do sợ ảnh hưởng đến việc lập gia đình cho con chung là cháu Nguyễn Gia P khi bố mẹ ly hôn.

Về con chung: Bà T và ông K có 01 người con chung là Nguyễn Gia P sinh ngày 19/8/2011, nếu phải ly hôn thì ông K đồng ý giao cháu P cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu P thành niên và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Gia P trình bày: Cháu P là con của ông Nguyễn Đình K và bà Lương Thị T, cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là bà Lương Thị T nếu bà T và ông K ly hôn.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Lương Thị T, bị đơn ông Nguyễn Đình K vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lương Thị T; về con chung giao cháu Nguyễn Gia P, sinh ngày 19/8/2011 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của bà Lương Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Đình K. Hiện nay bị đơn ông K đang cư trú tại xã Phú Sơn,

huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Đăng.

Đối với việc giải quyết vắng mặt của nguyên đơn bà Lương Thị T và bị đơn ông Nguyễn Đình K: Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình thụ lý giải quyết vụ án, bà T và ông K đã xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông K tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với bản gốc giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 24/6/2010 đã được bà T cung cấp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn gia đình: Bà T trình bày trong thời gian chung sống bà và ông K phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến việc thường xuyên cãi vã nên đã ly thân 11 năm nay, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Mặc dù ông K không đồng ý ly hôn nhưng thừa nhận đã không còn tình cảm với bà T, ông K và bà T cùng đã sống ly thân hơn 10 năm nay. Như vậy, giữa ông K và bà T có mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng muốn ly hôn của bà T.

[4] Về con chung: Bà T và ông K có 01 người con chung là Nguyễn Gia P sinh ngày 19/8/2011, quá trình giải quyết vụ án bà T và ông K thống nhất giao cháu P cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P thành niên. Do đó, cần ghi nhận sự thỏa thuận này của bà T và ông K.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn bà T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị T về việc ly hôn. Bà T được ly hôn với ông Nguyễn Đình K.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia P sinh ngày 19/8/2011 cho bà Lương Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu toà án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Lương Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000893 ngày 17/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- UBND xã, thị trấn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Đào